

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-BNN-TL ngày 24/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn và Tài liệu hướng dẫn triển khai;

Căn cứ Quyết định số 01379/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác thu thập, cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 253/NQ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh thông qua dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-SNNMT ngày 26/3/2026 và Báo cáo số 310/BC-SNNMT ngày 05/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm các chỉ số như sau:

- **Chỉ số 01:** Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh: 98,49% (531.175 hộ/539.319 hộ điều tra), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 20,49% (110.508 hộ/539.319 hộ điều tra).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 78% (420.667 hộ/539.319 hộ điều tra).

- **Chỉ số 02:** Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn: 30,59% (164.967 hộ/539.319 hộ điều tra), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 17,18 % (92.664 hộ/539.319 hộ điều tra).

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 13,41% (72.303 hộ/ 539.319 hộ điều tra).

- **Chỉ số 03:** Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh: 93,86% (39.814 hộ/42.417 hộ điều tra), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 15,91% (6.750 hộ/42.417 hộ điều tra).

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 77,95% (33.064 hộ/42.417 hộ điều tra).

- **Chỉ số 04:** Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn: 15,81% (6.705 hộ/42.417 hộ điều tra), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 11,51% (4.881 hộ/42.417 hộ điều tra).

+ Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 4,30% (1.824 hộ/42.417 hộ điều tra).

- **Chỉ số 05:** Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 110 lít/người/ngày đêm.

- **Chỉ số 06:** Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý khai thác hoạt động bền vững:

+ Bền vững: 45,65% (105/230 công trình)

+ Tương đối bền vững: 12,17% (28/230 công trình)

+ Kém bền vững: 13,48% (31/230 công trình)

+ Không hoạt động: 28,70% (66/230 công trình).

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND các xã, đơn vị có liên quan, hàng năm tiếp tục tổ chức thực hiện việc cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt số liệu Bộ chỉ số theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đủ của các số liệu nêu tại Điều 1 và các Phụ lục I, II, III kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục QL&XDCT Thủy lợi - Bộ NN&MT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh.
- Trung tâm Nước sạch và VSMTNT;
- Lưu: VT, CNXD (HvC3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn